

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5 - 2022

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Trọng**; Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/03/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 09/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu S – sinh năm 1971. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị O – sinh năm 1975. Vắng mặt

Đều ĐKKHKT: thôn PY, xã TY, huyện CM, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2022, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Hữu S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị O tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/1997 tại UBND xã TY, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ, chị O không chia sẻ, không có trách nhiệm với công nợ để mình anh đi làm trả nợ; chị O còn xa lánh, ăn riêng, không quan tâm, bỏ mặc anh. Vợ chồng anh thường xuyên mâu thuẫn về kinh tế, cãi chửi nhau suốt ngày. Chị O cư xử lạnh lùng với anh khiến anh phải đi làm ăn xa, anh cứ đi ra khỏi nhà thì chị O cho rằng anh có

mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị O nghi ngờ ghen tuông nhưng khi anh ở nhà thì vợ chồng không nói chuyện, không hỏi han, không quan tâm; hai vợ chồng không quan hệ tình cảm từ đầu năm 2016 đến nay. Quan điểm của chị O chỉ muốn vợ chồng sống ly thân như hiện nay mà không đồng ý ly hôn. Còn anh không chấp nhận được cuộc sống vợ chồng như hiện nay do không còn tình cảm với nhau nữa. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị O để anh ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn.

Về con chung: Anh và chị O có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 17/08/1998 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 13/02/2000. Hiện nay hai cháu đã thành niên, không bị nhược điểm thể chất, tinh thần nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Bị đơn – chị Nguyễn Thị O trình bày:** Chị nhất trí với lời trình bày của anh S về thời gian, điều kiện kết hôn.

Vợ chồng chị sống H phúc tới ngày 15/03/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S có mối quan hệ với người phụ nữ tên là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976 ở ĐQ, huyện LS, tỉnh Hoà Bình. Anh S đã bỏ nhà lên LS ở cùng người phụ nữ đó, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Mỗi lần anh S về lại đánh đuổi mấy mẹ con chị đi. Việc anh S đánh chị có Công an xã TY, Trưởng thôn PY biết. Chị báo Công an xã 3 lần khi chị bị anh S đánh và anh S còn phải tường trình tại Công an xã. Chị không nhớ rõ chính xác năm nhưng khoảng năm 2020.

Chị đề nghị anh S về ở nhà để gia đình đoàn tụ, nuôi dạy con chung nhưng anh S không đồng ý, anh vẫn đi ở chỗ khác, vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị cũng đã nói chuyện với gia đình chồng để bố mẹ anh S khuyên anh S trở về nhưng bố mẹ chồng lại bảo chị cứ ở nhà nuôi con còn anh S đi một khoảng thời gian sẽ trở về. Ba mẹ con chị cũng chấp nhận cuộc sống như hiện nay, anh S đi đâu làm gì cũng được miễn là không làm đơn ly hôn chị. Hiện nay, anh S và chị không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau nhưng chị không đồng ý ly hôn do chị muốn có gia đình đầm ấm, không chia cắt, con cái có bố, có mẹ.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 17/08/1998 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 13/02/2000. Hiện nay 02 con đã thành niên, không bị nhược điểm thể chất, tinh thần nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã, Công an xã TY: Xác định anh Nguyễn Hữu S và chị Nguyễn Thị O mâu thuẫn do tình cảm; anh S thường xuyên đi làm xa nhà, vợ chồng ăn riêng. Công an xã TY chưa nhận được đơn báo về việc anh S đánh chị O.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về con chung do hai con chung đã thành niên, không bị nhược điểm thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho anh S được ly hôn chị O. Về con chung: 02 con chung đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Hữu S có đơn khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị O về việc xin ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Chị O hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn PY, xã TY, huyện CM, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – chị Nguyễn Thị O: Chị O đã được tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị O.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu S và chị Nguyễn Thị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/1997 tại UBND xã TY, huyện CM, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa anh S và chị O thì thấy: Anh S cho rằng vợ chồng nhiều mâu thuẫn do anh S làm ăn thua lỗ và chị O không chia sẻ công nợ chung dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ năm 2016 đến nay. Chị O cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh S ngoại tình và đánh đập chị O dẫn đến không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Chị O không đồng ý ly hôn, mong muốn có gia đình đầm ấm, con cái có bố, có mẹ. Tòa án đã kiên trì hòa giải, nhưng chị O lại không đến hòa giải, khắc phục quan hệ hôn nhân, trong khi anh S vẫn kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị O đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh S được ly hôn với chị O là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Anh S và chị O có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 17/08/1998 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 13/02/2000. Hiện nay hai con chung đã thành niên, không bị nhược điểm thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: anh S và chị O đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Anh Nguyễn Hữu S được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Hữu S và chị Nguyễn Thị O có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 17/08/1998 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 13/02/2000. Hiện nay hai con chung đã thành niên, không bị nhược điểm thể chất, tinh thần.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu S phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0075711 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM ngày 03/03/2022.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TY (Số 55/1997);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai